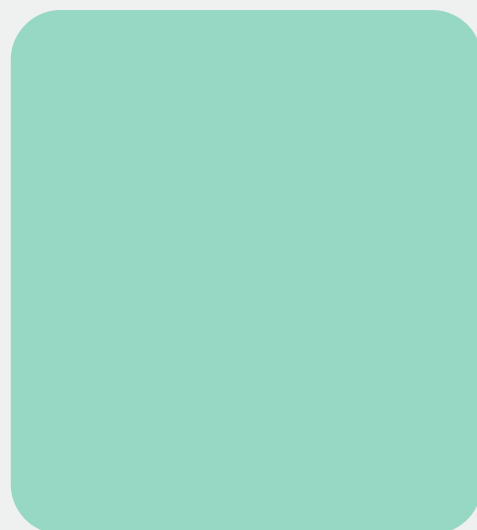
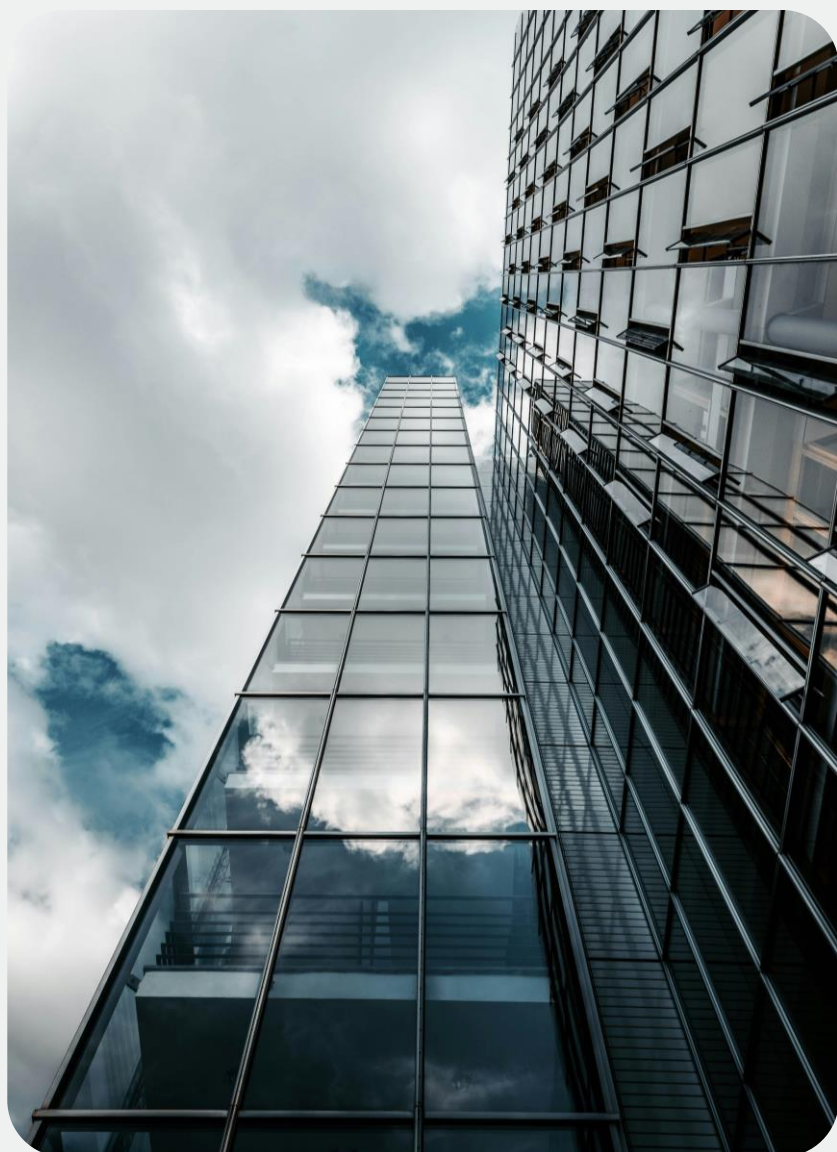


Cập nhật ngành Ngân hàng Quý 3/2025

Duy trì quỹ đạo tăng trưởng



S&I Ratings

Tháng 11/2025

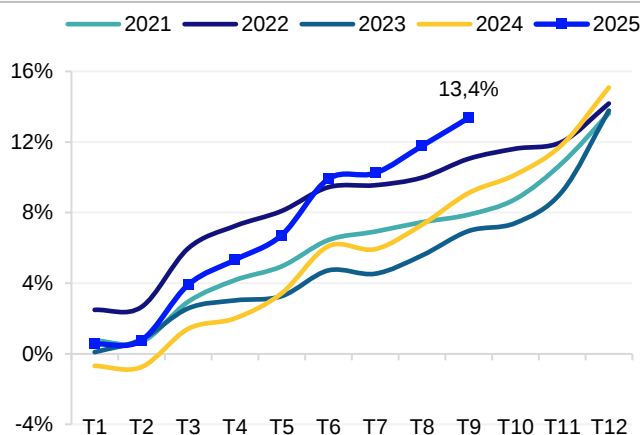
Tín dụng tiếp tục tăng tốc trong Q3 – đạt mức cao nhất trong vòng 15 năm qua

Tín dụng toàn hệ thống tăng 3,5% so với quý trước trong Quý 3/2025. Lũy kế 9 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng đạt 13,4% so với đầu năm – mức cao nhất trong vòng 15 năm qua. Hầu hết ngân hàng đều ghi nhận đà tăng tốt, trong đó nhóm ngân hàng quy mô lớn dẫn đầu với tốc độ tăng 17,9% kể từ đầu năm. Tuy vậy, các NHTMCP nhỏ hơn có phần hụt hơi, với một số ngân hàng ghi nhận tăng trưởng âm so với quý trước như ABB (-6,1%), PGB (-2,4%), EIB (-1,7%) và VAB (-0,7%).

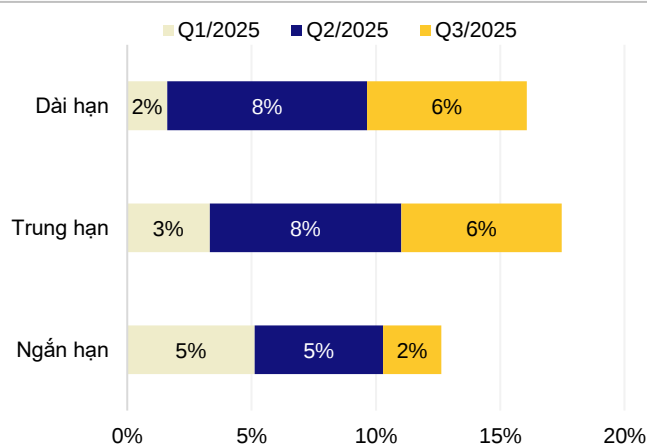
Cho vay trung và dài hạn có xu hướng gia tăng hơn cho vay ngắn hạn kể từ Q2 (Biểu đồ 2). Xét theo lĩnh vực kinh tế, tín dụng tiếp tục được dẫn dắt bởi các ngành thương mại, sản xuất, vận tải & kho bãi và bất động sản. Chúng tôi nhận thấy lĩnh vực Xây dựng duy trì mức tăng trưởng cao trong 3 quý liên tiếp, với dư nợ cho vay tăng mạnh tại VPB (+15,3 nghìn tỷ đồng), HDB (+12 nghìn tỷ đồng), KLB (+13 nghìn tỷ đồng) và LPB (+8,4 nghìn tỷ đồng) kể từ đầu năm. Một số ngân hàng chuyên bán lẻ VIB, BVB đẩy mạnh cho vay bất động sản trong Q3, với mức tăng lần lượt 62% và 49% so với quý trước, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cao. Cho vay các công ty chứng khoán tiếp tục là điểm sáng nổi bật, ghi nhận mức tăng mạnh trên diện rộng với tổng giải ngân ước đạt ít nhất hơn 44 nghìn tỷ đồng trong Q3. Diễn biến này phản ánh nhu cầu vốn tăng cao đi cùng đà tăng mạnh của thị trường chứng khoán về chỉ số và thanh khoản trong cùng kỳ.

Với tốc độ tăng trưởng đạt được trong 9T 2025, chúng tôi cho rằng tín dụng toàn ngành có thể đạt mức tăng 19%–20% cho cả năm – tiếp tục là mức cao nhất kể từ năm 2011. Nền kinh tế duy trì tích cực và môi trường chính sách thuận lợi vẫn là động lực chính thúc đẩy nhu cầu vốn. Tuy vậy, áp lực huy động vốn cùng với mặt bằng lãi suất đã và đang dần gia tăng, đặt ra thách thức cân bằng giữa nhu cầu tín dụng và chi phí huy động của toàn ngành. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng của nhiều ngân hàng hiện đã tiệm cận hạn mức được NHNN cấp, do đó tối ưu hóa danh mục cho vay sẽ là trọng tâm của các ngân hàng trong giai đoạn cuối năm.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng toàn ngành qua các năm

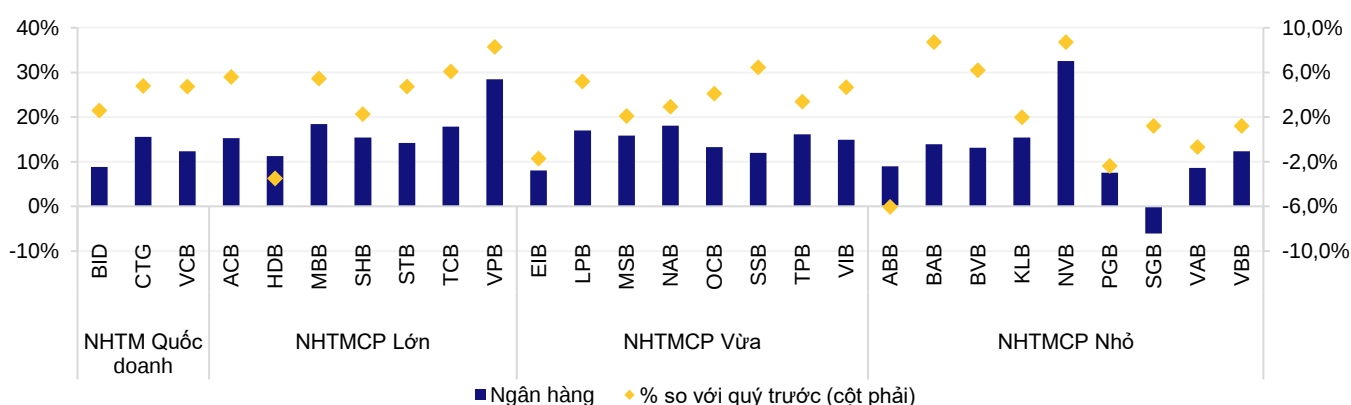


Biểu đồ 2. Tăng trưởng tín dụng so với quý trước theo kỳ hạn



Nguồn: SBV, S&I Ratings

Biểu đồ 3. Tăng trưởng tín dụng 9T 2025 từng ngân hàng và % so với quý trước



Nguồn: S&I Ratings

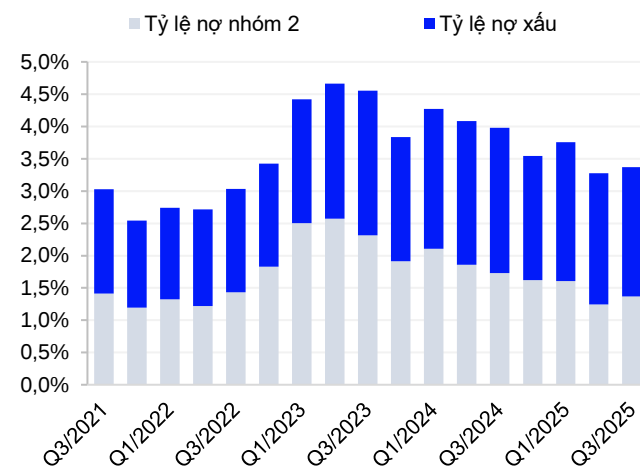
Chất lượng tài sản phân hóa, với nợ nhóm 2 có xu hướng tăng trở lại

Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành ổn định quanh mức 2,0% trong Q3 (-3 điểm cơ bản so với quý trước). Tuy nhiên, nếu nhìn vào con số tuyệt đối, nợ xấu vẫn tăng ròng 2,6% so với cuối Quý 2/2025 mặc dù tín dụng duy trì tăng trưởng cao. Hoạt động xóa nợ xấu tiếp tục đóng vai trò quan trọng giúp giảm tỷ lệ nợ xấu, với tổng giá trị xử lý đạt 21,6 nghìn tỷ đồng (+20% so với cùng kỳ). Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng nhẹ 20 điểm cơ bản lên 1,4%, đảo ngược xu hướng giảm của Q2. Chất lượng tài sản có sự phân hóa, với phần lớn ngân hàng duy trì tương đối ổn định hoặc cải thiện nhẹ, trong khi một số ngân hàng lớn (SHB, HDB, STB và MBB) và EIB, PGB, VBB có sự suy giảm khi ghi nhận cả tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 đều tăng trở lại. Dù vậy, tốc độ hình thành nợ xấu mới toàn ngành tiếp tục xu hướng giảm mạnh xuống 0,05% (so với 0,29% của quý trước), trong khi chi phí dự phòng tín dụng đi ngang 0,3%, giúp giảm áp lực lên chi phí tín dụng trong ngắn hạn.

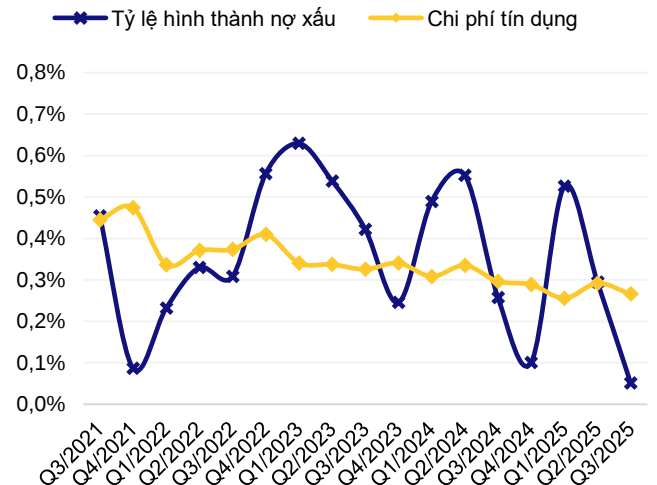
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) cải thiện lên mức 84% (từ mức 80% của quý trước). HDB, MBB, SHB ghi nhận LLR suy giảm mặc dù nợ xấu tăng, phản ánh mức trích lập trong kỳ chưa tương ứng. Ngược lại, BID, CTG, ACB và TCB đẩy mạnh dự phòng trong bối cảnh chất lượng tài sản cải thiện.

Chúng tôi cho rằng tỷ lệ nợ xấu có thể đã tạo đáy trong ngắn hạn và nhiều khả năng sẽ nhích nhẹ trong các quý tới. Tín dụng tăng mạnh trong giai đoạn cuối năm sẽ là yếu tố kéo giảm tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ cho vay, song diễn biến nợ nhóm 2 – tăng ròng 14% so với quý trước – là tín hiệu sớm cho thấy rủi ro hình thành nợ xấu mới vẫn hiện hữu.

Biểu đồ 4. Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2

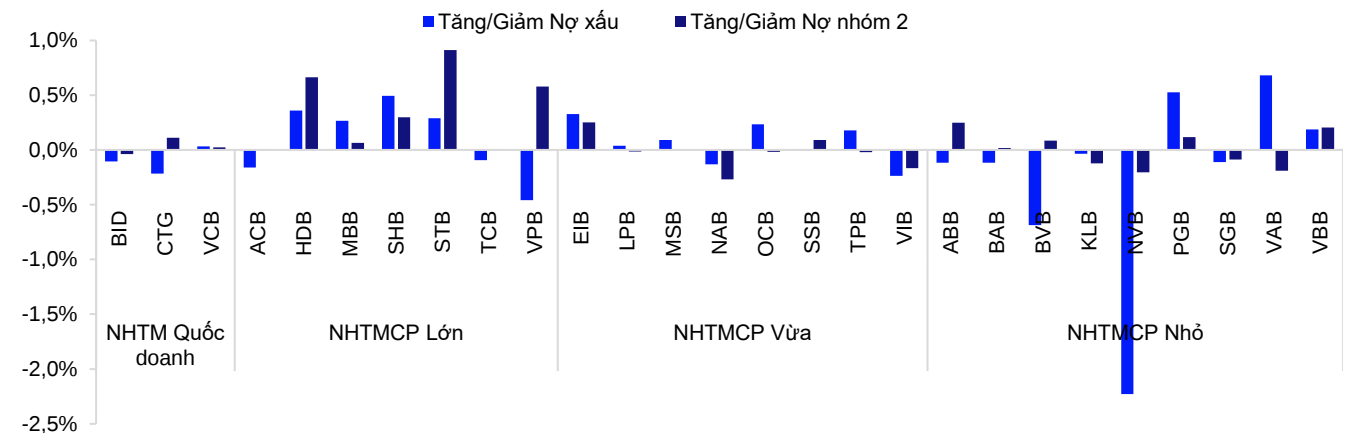


Biểu đồ 5. Tỷ lệ hình thành nợ xấu và chi phí tín dụng (theo quý)

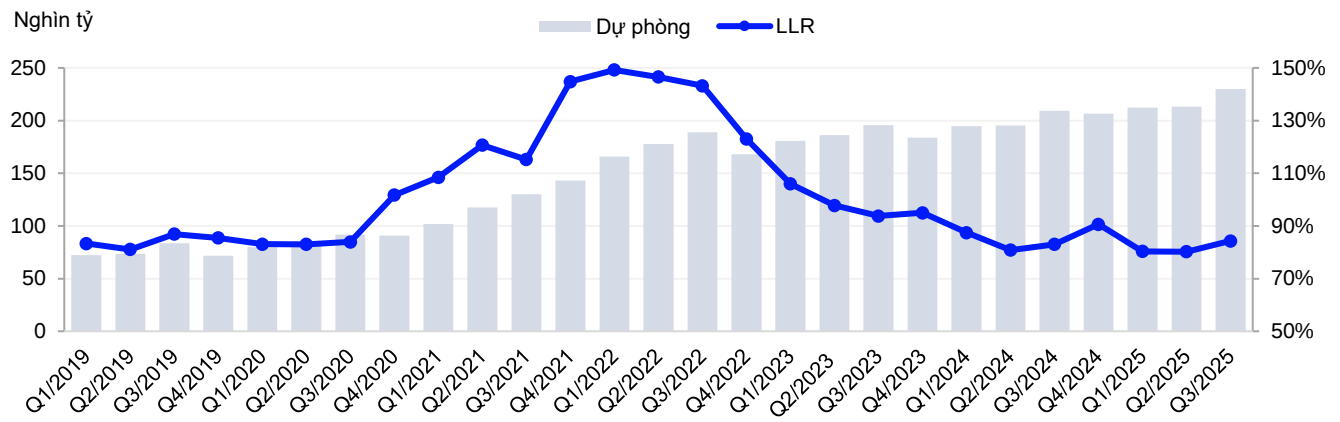


Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 6. Tăng/giảm nợ xấu và nợ nhóm 2 so với quý trước, từng ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 7. Bộ đệm dự phòng toàn ngành

Nguồn: S&I Ratings

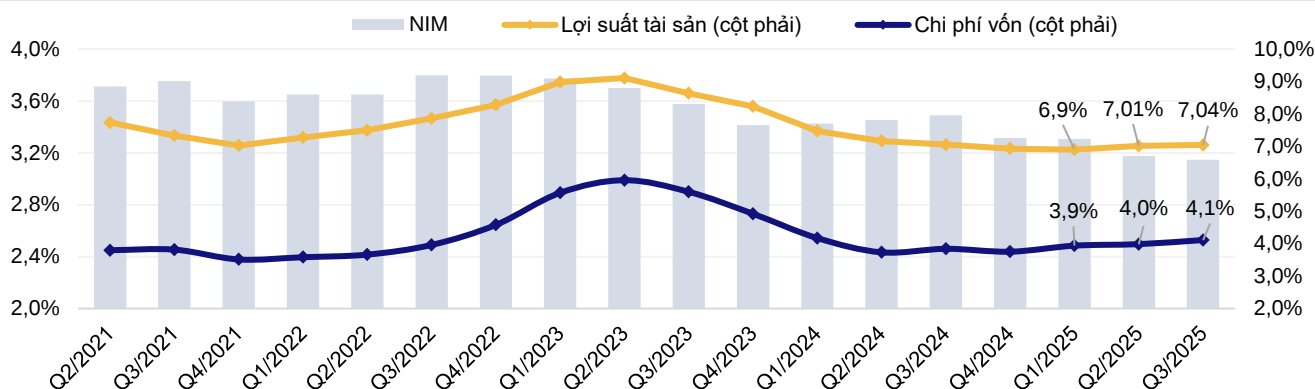
NIM tiếp tục thu hẹp nhẹ, thu ngoài lãi khởi sắc ở hầu hết các mảng

Biên lãi thuần (NIM) toàn ngành tiếp tục xu hướng giảm nhẹ, xuống còn 3,15% (-3 điểm cơ bản so với quý trước). Một số yếu tố chính tác động đến NIM bao gồm:

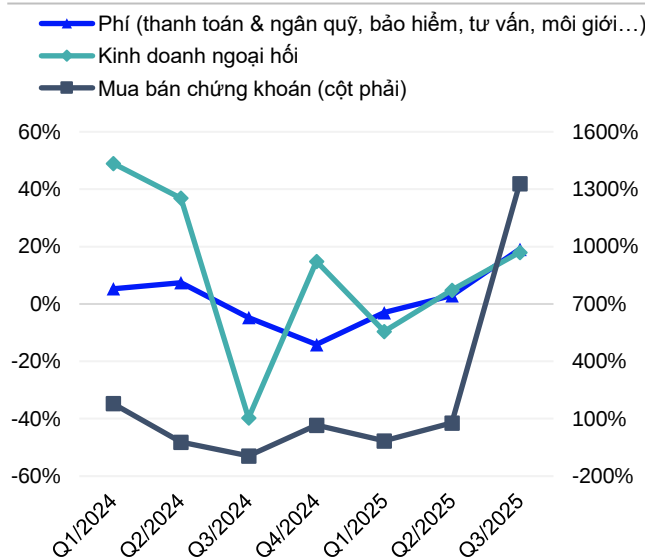
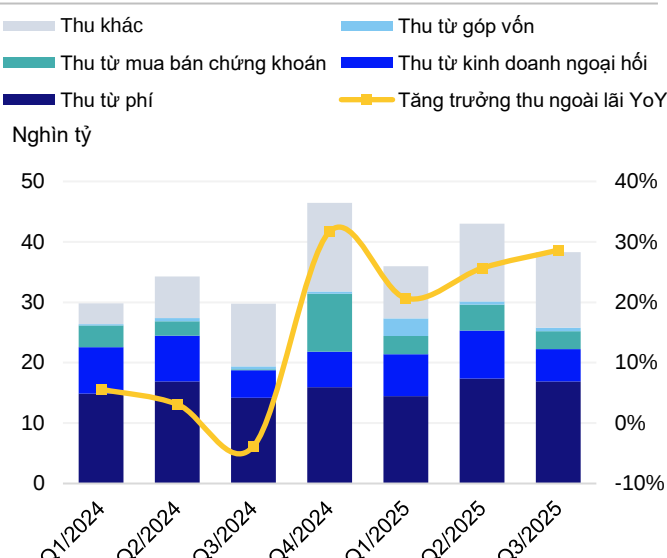
- Ở chiều tài sản, lợi suất dần cải thiện khi nhích nhẹ trong 2 quý liên tiếp (+3 điểm cơ bản so với quý trước trong Q3), chủ yếu nhờ các ngân hàng đẩy mạnh cho vay trung và dài hạn. Ngoài ra, đà giảm của lãi suất cho vay có xu hướng chững lại kể từ đầu Q3.
- Dù vậy, chi phí vốn tăng cao hơn (+13 điểm cơ bản) là nguyên nhân chính khiến NIM tiếp tục thu hẹp. Đáng chú ý, chi phí vay các TCTD khác của toàn ngành tăng mạnh 41 điểm cơ bản, với dư nợ vay đạt mức tăng hơn 20% so với quý trước tại thời điểm cuối Quý 3/2025.

Thu nhập ngoài lãi tiếp tục là trụ cột nâng đỡ lợi nhuận toàn ngành trong Q3, với mức tăng 29% yoy – cao gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của thu nhập lãi thuần 13% yoy. Mặc dù thu từ nợ xấu đã xóa vẫn là động lực chính (đạt 12,5 nghìn tỷ đồng, +20% yoy), chúng tôi nhận thấy có sự tăng trưởng tốt ở các mảng còn lại. Thu từ phí dịch vụ tăng 19% yoy, chủ yếu nhờ mảng bancassurance tăng mạnh 56% yoy – đánh dấu mức phục hồi cao nhất trong 3 quý gần đây và thu từ mảng môi giới đạt mức cao kỷ lục. Đà tăng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán khi VNIndex thiết lập đỉnh lịch sử mới trong Q3, đã thúc đẩy đáng kể hoạt động môi giới, ngân hàng đầu tư và tự doanh của các công ty chứng khoán thuộc sở hữu trực tiếp của ngân hàng. Nhờ đó, lợi nhuận từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư của các ngân hàng cũng tăng mạnh (gấp 13 lần yoy) - với mức thu nhập tăng ấn tượng tại VPB (+828% yoy), TCB (+134% yoy). Ngoài ra, hoạt động kinh doanh ngoại hối tiếp tục khởi sắc (+18% yoy), đóng góp tốt cho mức tăng thu ngoài lãi toàn ngành.

Chúng tôi cho rằng NIM nhiều khả năng đang dần tạo đáy, được củng cố bởi đà giảm chậm lại của NIM. Tuy vậy, trong ngắn hạn, NIM khó có thể cải thiện trong bối cảnh lãi suất huy động tăng trở lại, đồng thời có độ trễ giữa chu kỳ điều chỉnh của lãi suất cho vay và huy động. Áp lực về nhu cầu vốn ở thị trường liên ngân hàng trong thời gian gần đây, cũng là yếu tố cần theo dõi trước tác động đến chi vốn toàn ngành.

Biểu đồ 8. Diễn biến NIM toàn ngành

Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 9. Tăng trưởng thu từ phí, hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán (% svck)**Biểu đồ 10. Cơ cấu nguồn thu ngoài lãi**

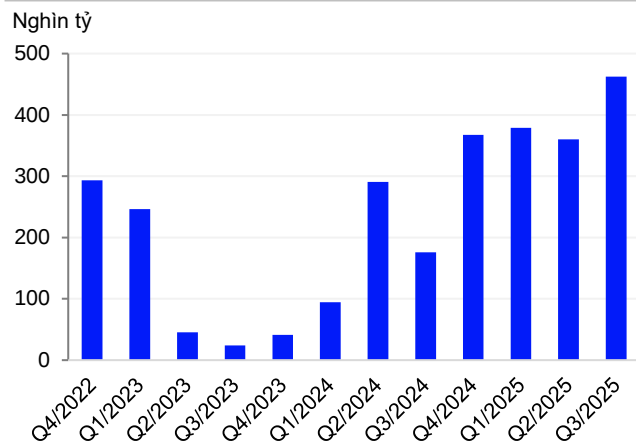
Nguồn: S&I Ratings

Nguồn huy động – thanh khoản

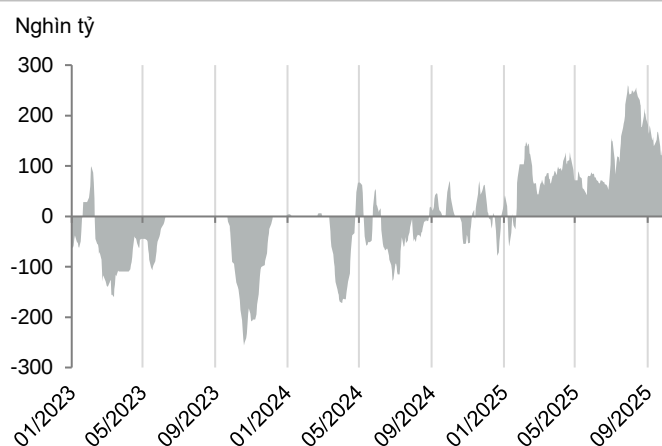
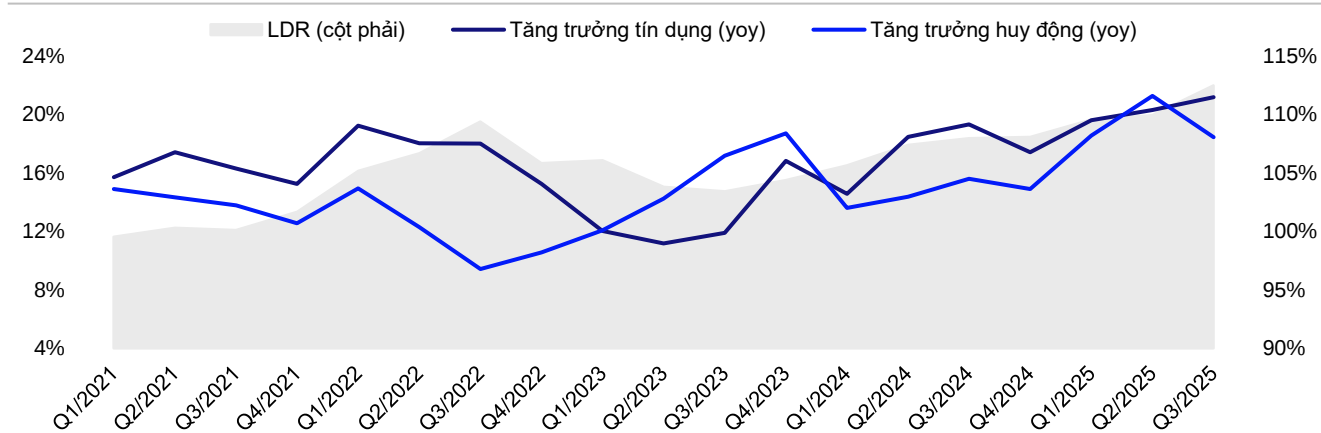
Về cơ cấu nguồn huy động, sau giai đoạn bùng nổ phát hành GTCG trong nửa đầu năm 2025, tốc độ huy động qua kênh này trong Q3 bắt đầu chậm lại (giảm 2,7% so với quý trước). Tiền gửi của khách hàng cũng ghi nhận mức tăng khiêm tốn 1,7% so với quý trước. Trong khi đó, nguồn tiền gửi Kho bạc nhà nước tại các ngân hàng quốc doanh tăng vọt lên 462 nghìn tỷ đồng – với mức tăng ròng 100 nghìn tỷ đồng so với cuối Quý 2/2025. Điều này phản ánh sự tập trung dòng vốn, qua đó gây tác động lớn đến thanh khoản hệ thống ngân hàng.

Áp lực nhu cầu vốn nhìn chung duy trì ở mức cao trong Q3, thể hiện qua biến động mạnh của lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, dù vẫn được hỗ trợ một phần bởi dòng tiền gửi của Kho bạc nhà nước. Chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng (+21,2% yoy) và tăng trưởng huy động (+18,4% yoy) nới rộng, đồng thời tỷ lệ LDR thuần (tín dụng trên tổng tiền gửi khách hàng) tăng lên 112% (so với 110% của quý trước) – là nguyên nhân chính gây áp lực lên thanh khoản toàn ngành. Tiến độ giải ngân đầu tư công chậm hơn dự kiến, cùng với sức hút từ các kênh đầu tư khác khiến huy động tiền gửi chưa theo kịp đà tăng của tín dụng. Xuyên suốt Q3, NHNN đã bơm ròng thanh khoản VND với khối lượng cao kỷ lục (Biểu đồ 12) để hỗ trợ thị trường, đưa tổng giá trị lưu hành OMO lên hơn 185 nghìn tỷ đồng.

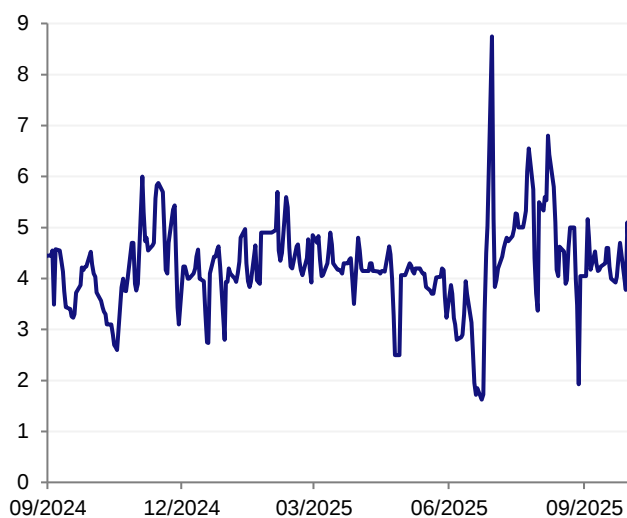
Trước những diễn biến nêu trên, một số NHTMCP tư nhân bắt đầu điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi từ cuối quý 3/2025, với mức tăng 0,1 – 0,8% ở hầu hết kỳ hạn. Trong thời gian tới, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng của mặt bằng lãi suất có thể còn tiếp diễn, nhằm thúc đẩy tăng trưởng huy động và đảm bảo cân đối vốn trước nhu cầu tín dụng cao giai đoạn cuối năm.

Biểu đồ 11. Tiền gửi KBNN tại các ngân hàng QĐ

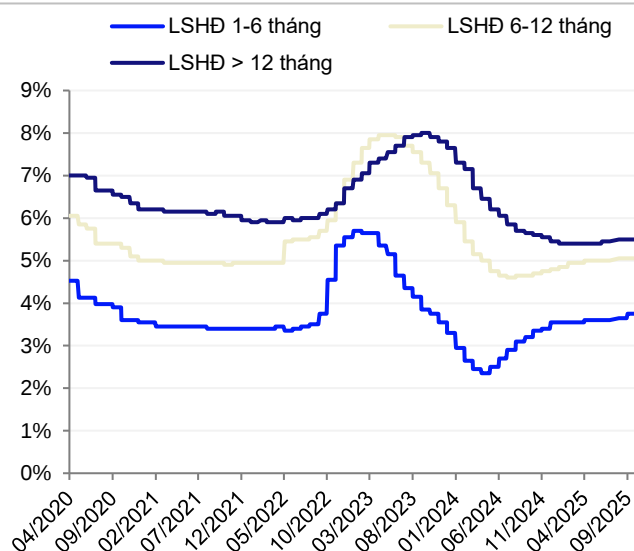
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 12. Khối lượng lưu hành ròng OMO**Biểu đồ 13. Tăng trưởng tín dụng, huy động (yoy) và hệ số LDR toàn ngành**

Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 14. Lãi suất LNH qua đêm (%)

Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 15. Lãi suất tiền gửi theo kỳ hạn

Phụ lục 1: Danh sách phân loại các ngân hàng được đề cập trong báo cáo

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại
1	BID	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	NHTM Quốc doanh
2	CTG	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
3	VCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
4	ACB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	NHTMCP Lớn
5	HDB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Lớn
6	MBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	NHTMCP Lớn
7	SHB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	NHTMCP Lớn
8	STB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	NHTMCP Lớn
9	TCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Lớn
10	VPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Lớn
11	EIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	NHTMCP Vừa
12	LPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Vừa
13	MSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	NHTMCP Vừa
14	NAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	NHTMCP Vừa
15	OCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông	NHTMCP Vừa
16	SSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á	NHTMCP Vừa
17	TPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong	NHTMCP Vừa
18	VIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam	NHTMCP Vừa
19	ABB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình	NHTMCP Nhỏ
20	BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	NHTMCP Nhỏ
21	BVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	NHTMCP Nhỏ
22	KLB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long	NHTMCP Nhỏ
23	NVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân	NHTMCP Nhỏ
24	PGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xăng Dầu Việt Nam	NHTMCP Nhỏ
25	SGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương	NHTMCP Nhỏ
26	VAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	NHTMCP Nhỏ
27	VBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Nhỏ

Phụ lục 2: Khái niệm và công thức tính các chỉ số tài chính

Chỉ số	Công thức
Tỷ lệ nợ quá hạn	Tử số: Nợ nhóm 2 + nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Tỷ lệ nợ xấu	Tử số: Nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Tỷ lệ nợ xấu trước khi xử lý	Tử số: Nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 + nợ xấu xử lý trong kỳ Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) + nợ xấu xử lý trong kỳ
Tỷ lệ hình thành nợ xấu	Tử số: Nợ xấu kỳ này – nợ xấu kỳ trước + nợ xấu đã xử lý trong kỳ Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) kỳ trước
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	Tử số: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng Mẫu số: Nợ xấu
Chi phí tín dụng	Tử số: Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Chi phí hoạt động (CIR)	Tử số: Chi phí hoạt động Mẫu số: Tổng thu nhập hoạt động
Tỷ lệ CASA	Tử số: Tiền gửi không kỳ hạn + tiền gửi vốn chuyên dụng + tiền gửi ký quỹ Mẫu số: Tổng tiền gửi của khách hàng
Biên lãi ròng (NIM)	Tử số: Thu nhập lãi thuần Mẫu số: Bình quân tài sản sinh lãi (bao gồm: dư nợ cho vay khách hàng trước dự phòng + tiền gửi tại NHNN + tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác + CK đầu tư + CK kinh doanh + Hoạt động mua nợ – Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)
Chi phí vốn bình quân	Tử số: Chi phí lãi và các chi phí tương tự Mẫu số: Bình quân nợ phải trả phát sinh lãi (bao gồm: Tiền gửi của KH + các khoản nợ CP và NHNN + tiền gửi và vay các TCTD khác + vốn tài trợ, ủy thác đầu tư + phát hành GTCG)
Lợi suất tài sản bình quân	Tử số: Thu nhập lãi và các thu nhập tương tự Mẫu số: : Bình quân tài sản sinh lãi
Lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	Tử số: Lợi nhuận sau thuế Mẫu số: : Bình quân tổng tài sản
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	Tử số: Lợi nhuận sau thuế Mẫu số: : Bình quân vốn chủ sở hữu
Tổng tín dụng/ Tổng tiền gửi KH (LDR thuần)	Tử số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) + TPDN Mẫu số: : Tiền gửi khách hàng
Tài sản thanh khoản cao/Tổng nợ phải trả	Tử số: Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + tiền gửi tại NHNN + tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác + Trái phiếu chính phủ Mẫu số: : Tổng nợ phải trả
Vốn chủ sở hữu hữu hình/ Tổng tài sản (TCE/TA)	Tử số: Vốn chủ sở hữu – TSCĐ vô hình – Cổ phiếu ưu đãi Mẫu số: : Tổng tài sản – TSCĐ vô hình

Tuyên bố miễn trừ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà S&I Ratings cho là đáng tin cậy, tuy nhiên S&I Ratings không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. S&I Ratings và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của S&I Ratings và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của S&I Ratings. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. S&I Ratings I có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho S&I Ratings. S&I Ratings không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

Thông tin liên hệ: customers@sniratings.com.vn